

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG THỊ THÚY PHƯƠNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI
HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN PHƯỚC TRỮ**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 2: **TS. ĐOÀN HỒNG LÊ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 02 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp, nó được hình thành và phát triển từ rất lâu ở một số nước trên Thế giới.

Nghiên cứu đề đề ra giải pháp phát triển kinh tế trang trại không những giải quyết vấn đề thực tiễn, đóng góp về kinh tế cho địa phương mà còn góp phần làm rõ vai trò to lớn của nó trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn theo một tư duy mới: phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng vận dụng một cách đầy đủ các quy luật của nền kinh tế thị trường đưa sản xuất nông nghiệp của nước ta tiến dần tới trình độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường Quốc tế.

Cùng với xu thế phát triển chung của cả nước, kinh tế trang trại ở tỉnh Quảng Bình nói chung và huyện Tuyên Hóa nói riêng từng bước được hình thành và phát triển. Bước đầu đã đạt được những thành tựu nhất định, khai thác được tiềm năng, thế mạnh, cải thiện thu nhập và giải quyết được một phần việc làm cho người lao động.

Vì vậy, nghiên cứu, phân tích, đánh giá đúng thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở đó tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế trang trại của huyện là vấn đề cấp thiết. Xuất phát từ những nhận thức về lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả mạnh dạn chọn đề tài: ***“Phát triển kinh tế trang trại huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình”*** làm luận văn thạc sĩ kinh tế phát triển của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đề xuất các giải pháp góp phần đẩy mạnh sự phát triển hợp lý và bền vững kinh tế trang trại nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động trên địa bàn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự phát triển kinh tế trang trại tại một số địa phương ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Tuyên Hóa từ năm 2010 đến năm 2012.

- Xác định và đề xuất những giải pháp cần thiết để phát triển kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến kinh tế trang trại và sự phát triển kinh tế trang trại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Đề tài tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề về số lượng, quy mô, diện tích, vốn, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh... của các trang trại ở huyện Tuyên Hóa, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn.

Về không gian: Đề tài chủ yếu nghiên cứu về loại hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình.

Về thời gian: Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển kinh tế trang trại từ năm 2010 đến năm 2012 và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế trang trại đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích chuẩn tắc và phân tích thực chứng trong KT-XH.

- Phương pháp chuyên gia.

- Thống kê mô tả và thống kê phân tích.

5. Đóng góp của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kinh tế trang trại, luận văn góp phần làm rõ nội dung, đặc điểm và vai trò của kinh tế trang trại đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở một huyện

miền núi.

- Trên cơ sở sở phân tích thực trạng luận văn nêu rõ những thành công, hạn chế và nguyên nhân về tình hình phát triển kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa trên các mặt.

- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tiếp tục phát triển loại hình kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình trong những năm tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

7. Kết cấu luận văn

Mở đầu

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế trang trại

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình

Chương 3: Giải pháp phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình

Kết luận

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TRANG TRẠI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG MIỀN NÚI

1.1.1. Những vấn đề lý luận về kinh tế trang trại

a. Khái niệm về trang trại và kinh tế trang trại

Có rất nhiều những khái niệm khác nhau nhưng chúng đều có những đặc điểm chung như sau:

- Trang trại là một cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa trong nông lâm ngư nghiệp ở nông thôn.

- Có nguồn gốc hình thành và phát triển từ kinh tế nông hộ nhưng ở vào giai đoạn có trình độ tổ chức quản lý sản xuất hàng hóa cao hơn.

- Khai thác và sử dụng các nguồn lực kinh tế ở địa phương (đất đai, vốn, lao động, ứng dụng khoa học công nghệ) một cách có hiệu quả.

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh luôn gắn liền với nền kinh tế thị trường.

- Nguồn gốc sở hữu của trang trại chủ yếu là thành phần kinh tế tư nhân, song do tác động của kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế nên nó ngày càng mở rộng ra nhiều hình thức sở hữu, một thành phần kinh tế đến nhiều thành phần kinh tế.

b. Đặc trưng của kinh tế trang trại

- Mục đích sản xuất chủ yếu của trang trại là sản xuất nông sản hàng hoá.

- Các yếu tố sản xuất, trước hết là ruộng đất và tiền vốn trong trang trại được tập trung với quy mô nhất định theo yêu cầu của sản xuất hàng hoá.

- Tư liệu sản xuất trong trang trại thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một người chủ độc lập.

- Trang trại tự chủ hoàn toàn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Chủ trang trại thường là người có ý chí, có năng lực tổ chức quản lý, có kinh nghiệm và kiến thức nhất định về sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và thường là người trực tiếp quản lý trang trại.

- Tổ chức quản lý trang trại là tiến bộ hơn so với nông hộ, có nhu cầu cao hơn về chuyên môn hoá sản xuất, thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hạch toán đồng thời thường xuyên tiếp cận với thị trường.

- Các trang trại nói chung đều có thuê mướn lao động và có doanh thu, thu nhập vượt trội so với hộ nông dân trong vùng.

c. Hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế trang trại

Tiêu chuẩn cũ: Theo Thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT/BNN-TCTK ngày 23/6/2000 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Tổng cục Thống kê về hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại.

Về định tính: căn cứ vào ba đặc trưng

* Mục đích sản xuất của trang trại là sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hoá với quy mô lớn.

* Mức độ tập trung hoá

* Chủ trang trại có kiến thức và kinh nghiệm

Về định lượng:

* Giá trị sản lượng hàng hoá và dịch vụ bình quân 1 năm

* Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế nông hộ tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế.

Tiêu chuẩn mới: Theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

* Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt:

* Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên;

* Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

1.1.2. Vai trò của kinh tế trang trại đối với việc phát triển kinh tế ở địa phương miền núi

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất quan trọng trong nền nông nghiệp thế giới.

- *Về mặt kinh tế:* Các trang trại góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- *Về mặt xã hội:* Phát triển kinh tế trang trại góp phần quan trọng làm tăng số hộ giàu trong nông thôn, tạo thêm việc làm và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

- *Về mặt môi trường:* Các trang trại ở trung du, miền núi còn góp phần quan trọng vào việc trồng rừng, bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.2.1. Phát triển về mặt số lượng trang trại

Phát triển số lượng trang trại là việc gia tăng số lượng các cơ sở trang trại qua các năm theo chiều hướng năm sau cao hơn năm trước.

Để đánh giá số lượng của các trang trại sử dụng các tiêu chí:

- Số lượng và cơ cấu từng loại hình trang trại qua các năm.
- So sánh sự tăng, giảm qua các năm.

1.2.2. Phát triển về mặt quy mô trang trại

a. Quy mô diện tích trang trại

b. Vốn đầu tư của trang trại

c. Lao động của trang trại

1.2.3. Phát triển về chất lượng và cơ cấu sản xuất trang trại

a. Phát triển trang trại về mặt chất lượng: được thể hiện ở việc gia tăng mức độ đóng góp về sản lượng, giá trị sản lượng hàng hóa nông sản bằng cách thay đổi chất lượng bên trong của kinh tế trang trại.

* *Khoa học - công nghệ:* có vai trò quan trọng trong sản xuất nói chung và trong sản xuất nông nghiệp nói riêng.

* *Đầu tư cho chế biến nông sản*

b. Phát triển về mặt cơ cấu sản xuất của trang trại: thể hiện ở việc chuyển hóa cơ cấu sản xuất của trang trại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng, đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm của thị trường; phù hợp với quan điểm tiên tiến về phát triển một nền nông nghiệp toàn diện trong bối cảnh phát triển kinh tế chung của cả nước.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi là chuyển từ trạng thái cây trồng, vật nuôi cũ sang trạng thái mới để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, phát triển những cây trồng, vật nuôi có triển vọng trên thị trường có giá trị gia tăng cao. Vì vậy cần có sự chuyển dịch cơ

cầu cây trồng, vật nuôi ở nhiều vùng để đáp ứng yêu cầu của phương hướng sản xuất mới, yêu cầu của cơ chế thị trường.

1.2.4. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Chiến lược phát triển thị trường có thể xây dựng trên cơ sở kết quả phân tích được tiến hành ở ba mức độ: Thứ nhất, phát hiện những khả năng mà doanh nghiệp có thể tận dụng với quy mô hoạt động hiện tại. Thứ hai, phát hiện những khả năng hợp nhất với những yếu tố khác của hệ thống marketing. Thứ ba, phát hiện những khả năng đang mở ra ở ngoài. Ngoài ra, chiến lược phát triển khách hàng, phát triển phạm vi địa lý và đa dạng hoá kinh doanh là những phương pháp phát triển thị trường hữu hiệu.

Để giải quyết những vấn đề về thị trường tiêu thụ cần chú ý:

- Sản phẩm nông nghiệp có đặc điểm khi tiêu thụ là sản phẩm tươi sống, khó khăn cho việc bảo quản, sản phẩm nông nghiệp mang tính mùa vụ và có đặc điểm là cung muợn không thể đáp ứng một cách ngay lập tức, vì đối tượng sản xuất nông nghiệp là những sinh vật sống nên cần có thời gian sinh trưởng, phát triển sau đó mới đến bước thu hoạch.

- Tiêu thụ nông sản có tính khu vực, tính vùng rõ rệt.

- Cần xác định rõ đối tượng tiêu dùng của sản phẩm là khách hàng trong nước hay khách hàng nước ngoài

1.2.5. Phát triển kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại

a. Kết quả sản xuất kinh doanh: là phạm trù sản xuất phản ánh những cái thu được sau một khoảng thời gian sản xuất kinh doanh, được biểu hiện bằng đơn vị hiện vật (tấn, tạ, Kg...) và đơn vị giá trị (đồng, triệu đồng...).

b. Hiệu quả sản xuất kinh doanh: là một phạm trù kinh tế biểu hiện tập trung của sự phát triển kinh tế theo chiều sâu, phản ánh trình độ khai thác các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tiền vốn) và trình độ chi phí các nguồn lực đó trong quá trình tái sản xuất để đạt được các mục tiêu kinh doanh.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

1.3.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

a. Các yếu tố về vị trí địa lý, thời tiết, khí hậu

Đây là một yếu tố có sự tác động vô cùng to lớn đến hoạt động của kinh tế trang trại, vì đối tượng của kinh tế trang trại đều là các sinh vật sống, có thời gian sinh trưởng và phát triển phụ thuộc rất lớn đối với yếu tố tự nhiên.

Trong thời gian vừa qua thời tiết biến đổi thất thường, mưa lớn, lũ lụt, hạn hán diễn ra liên tục, thời tiết thay đổi bất thường ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp nói chung, của các trang trại nói riêng.

b. Điều kiện về đất đai và môi trường sinh thái

* *Đất đai*: Đất đai trong sản xuất nông nghiệp có đặc điểm: Đất đai vừa là sản phẩm của tự nhiên, vừa là sản phẩm của lao động; Đất đai bị giới hạn về mặt không gian, nhưng sức sản xuất của đất đai là không giới hạn; Đất đai có vị trí cố định và chất lượng không đồng đều; Đất đai không bị hao mòn và đào thải khỏi quá trình sản xuất, nếu sử dụng hợp lý thì đất đai có chất lượng ngày càng tốt hơn.

* *Môi trường sinh thái*: Là bao gồm tất cả những điều kiện xung quanh có liên quan tới sự sống của cơ thể. Đối với con người môi trường sinh thái là tất cả các điều kiện tự nhiên và xã hội, cả vô cơ và hữu cơ, có liên quan tới sự sống của con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội.

1.3.2. Đặc điểm về xã hội

- Dân số, lao động, truyền thống văn hóa

1.3.3. Đặc điểm về kinh tế

Vốn đầu tư, kết cấu hạ tầng, ứng dụng khoa học công nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm, các chính sách của Nhà nước

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC

Ở Yên Bái cho thấy hơn 60% giá trị kim ngạch xuất khẩu là sản xuất hàng hóa từ khu vực trang trại. Toàn tỉnh Yên Bái có 45,55% trang trại thiếu từ 5-25 lao động, vùng trồng rừng kinh tế đạt 60.000 ha, góp phần đưa độ che phủ cao (31,5%). Huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang đi lên kinh tế trang trại từ cây vải thiều; huyện Yên Yên (Yên Bái) phát triển kinh tế trang trại từ cây quế; huyện Đắc Trung (Lâm Đồng), Đắc Mìn (Đắk Lắk) phát triển trang trại từ cây cà phê; huyện Bình Long (Bình Phước), Bến Cát (Bình Dương) phát triển kinh tế trang trại từ cây cao su.

1.4.1. Phát triển kinh tế trang trại ở huyện Phổ Yên-Thái Nguyên

Để phát triển trang trại, trong những năm qua huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện một số giải pháp như: quy hoạch xác định các khu vực phát triển kinh tế trang trại tập trung nhằm hình thành vùng sản xuất tập trung, đáp ứng nhu cầu thị trường; Định hướng phát triển cây trồng, vật nuôi chính, phát huy thế mạnh của từng vùng, đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật... phù hợp với điều kiện từng huyện; Giải quyết các vấn đề chuyển dịch đất đai tạo điều kiện cho các gia đình có quy mô đất đai lớn để tập trung sản xuất; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, tạo môi liên doanh, liên kết với kinh tế hợp tác xã và kinh tế Nhà nước về lĩnh vực tiêu thụ, học hỏi kinh nghiệm nhằm phát triển kinh tế trang trại.

1.4.2. Phát triển kinh tế trang trại ở thành phố Đồng Hới - Quảng Bình

Một số giải pháp được đưa ra nhằm tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế trang trại Thành phố Đồng Hới phát triển, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH – HĐH: Lập kế hoạch, quy hoạch cụ thể phát triển kinh tế trang trại trong thành phố; Tiến hành giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích chưa được cấp và diện tích mới; Thực hiện các chính sách hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất của Nhà nước và các tổ chức đối với phát triển kinh tế trang trại; Hỗ trợ nâng cao nhận thức ứng dụng khoa học - công nghệ ở các trang trại;

Nâng cao năng lực quản lý của chủ trang trại và tay nghề của người lao động.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm cho phát triển kinh tế trang trại huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình

- Về nhận thức, về đất đai, về vốn đầu tư, về đầu vào, đầu ra, về tổ chức sản xuất

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN VÀ KT-XH HUYỆN TUYÊN HÓA ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

2.1.1. Về điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

- Phía Bắc giáp huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh và huyện Cẩm Xuyên của tỉnh Hà Tĩnh.

- Phía Tây giáp huyện Minh Hóa của tỉnh Quảng Bình và nước bạn Lào.

- Phía Nam giáp huyện Bố Trạch của tỉnh Quảng Bình.

- Phía Đông giáp huyện Quảng Trạch của tỉnh Quảng Bình.

b. Khí hậu, thời tiết, thủy văn

- *Khí hậu*: khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa

- *Độ ẩm không khí* tương đối cao

- *Lượng nước bốc hơi trung bình* trên địa bàn huyện là 1.059 mm.

- *Gió*: Tuyên Hóa chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chính:

+ Mùa đông có gió mùa Đông Bắc thịnh hành thổi theo hướng Bắc - Đông Bắc.

+ Mùa hè chủ yếu gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từng đợt.

- *Thủy văn*

Toàn huyện chịu ảnh hưởng bởi lưu vực hệ thống Sông Gianh (Rào Nậy, Rào Trỏ), Sông Nan, Ngàn Sâu, Khe Nét, Khe Núng, Khe

Hà, Khe Dong, Khe Tre, khe Hồ Bẹ...

c. Địa hình, đất đai

* *Địa hình*: Địa hình núi cao trung bình; Địa hình vùng gò đồi đan xen các thung lũng; Địa hình vùng đồng bằng.

* *Tài nguyên đất*

- Về thổ nhưỡng có 3 nhóm đất chủ yếu sau: Nhóm đất feralit; Nhóm đất phù sa cổ; Nhóm đất phù sa bồi đắp

Tuy nhiên, phần đất bố trí cho sử dụng phi nông nghiệp còn thấp, nhất là đất cho hạ tầng cơ sở, đất cho sản xuất công nghiệp, đất cho các công trình phúc lợi xã hội... còn thấp. Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không theo quy hoạch còn phổ biến.

d. Tài nguyên nước

Với số lượng sông suối phân bố dày đặc và rộng lớn, huyện Tuyên Hóa có tiềm năng về nguồn nước ngọt rất lớn.

- Nguồn nước mặt: Phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa tự nhiên, bình quân 2.181 mm/năm, một phần được lấy từ Sông Gianh, sông Rào Trỏ,....

- Nguồn nước ngầm: Nước ngầm ở đây thường sâu và dễ bị cạn kiệt vào mùa khô, ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt của nhân dân trong vùng cũng như ảnh hưởng đến việc tưới tiêu.

e. Tài nguyên rừng và đất rừng

Bảng 2.3. Hiện trạng và cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp năm 2012

Chỉ tiêu	ĐVT	Diện tích	Tỷ lệ %
Diện tích tự nhiên của huyện	Ha	115.098,4	
1. Diện tích đất lâm nghiệp	Ha	93.786,2	100
<i>Diện tích rừng sản xuất</i>	<i>Ha</i>	<i>62.106,2</i>	<i>66,2</i>
<i>Diện tích rừng phòng hộ</i>	<i>Ha</i>	<i>31.680,0</i>	<i>33,8</i>
<i>Diện tích rừng đặc dụng</i>	<i>Ha</i>	-	
2. Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	771	0,8
3. Diện tích chăm sóc rừng	Ha	1.500	1,6
4. Quản lý bảo vệ rừng	Ha	40.000	42,7
5. Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	73	

Rừng Tuyên Hóa có hệ động thực vật quý hiếm, nằm trong hệ vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới, không những có tiềm năng về phát triển kinh tế mà còn có khả năng mở rộng phát triển du lịch sinh thái, du lịch thám hiểm.

f. Về môi trường

Môi trường của huyện Tuyên Hóa hiện tại nhìn chung tốt, tuy vậy cục bộ một số nơi, đặc biệt là khu vực sản xuất công nghiệp tập trung có nguy cơ ô nhiễm cao do: Phát triển thiếu quy hoạch, sự gia tăng dân số và quá trình công nghiệp hóa, sự gia tăng mức độ khai thác các nguồn tài nguyên, làm tăng mức độ ô nhiễm của nguồn nước, không khí và đất gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và sinh hoạt của dân cư.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên
- Đối với các khu vực đồi núi, cần bảo vệ đất, chống xói mòn, suy thoái đất
- Có các giải pháp cơ bản lâu dài xử lý nước thải
- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư
- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ để quản lý và bảo vệ môi trường.

2.1.2. Đặc điểm về xã hội

a. Dân số và lao động

Theo số liệu thống kê năm 2012, dân số Tuyên Hóa có 78.256 người, với mật độ 68 người/km². Toàn huyện có 7 dân tộc cùng chung sống.

Trong số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế thì số lao động làm việc trong nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, số còn lại là lao động phi nông nghiệp. Năm 2010 có 35.251 người, chiếm 79,36%; năm 2011 có 36.558 người, chiếm 79,20%; đến năm 2012 có 38.891 người, chiếm 79,23%. Vậy tỷ lệ lao động trong nông nghiệp giữa các năm so với số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế không có

sự biến động lớn và có sự gia tăng (năm sau cao hơn năm trước theo sự gia tăng dân số).

Lao động của huyện tuy số lượng lớn nhưng chất lượng còn thấp, hầu hết lao động phổ thông chưa qua đào tạo. Điều đó đòi hỏi huyện cần có chiến lược phù hợp để tăng chất lượng lao động lên cao hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động hiện nay.

b. Trình độ, văn hóa

Trình độ văn hóa, mức sống dân cư còn có sự chênh lệch lớn giữa vùng đồng bào dân tộc với người Kinh, số người trong độ tuổi chiếm tỷ trọng lớn nhưng chất lượng lao động còn thấp. Dân số, dân tộc, tập quán và kinh nghiệm sản xuất có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của kinh tế trang trại.

2.1.3. Đặc điểm về kinh tế

a. Kết cấu hạ tầng

- * Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật giao thông
- * Thủy lợi
- * Mạng cáp điện, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin

b. Đầu tư phát triển

Đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006 - 2010 đạt mức tăng trưởng 44,24%/năm. Tuy nhiên, việc đầu tư phát triển hiệu quả sử dụng đồng vốn chưa cao. Việc huy động nội lực còn hạn chế, hệ thống các công trình hạ tầng đầu tư không đồng bộ.

c. Tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế

Kinh tế trong những năm qua tiếp tục tăng trưởng và ổn định, các ngành kinh tế mũi nhọn của huyện đều phát triển với tốc độ cao, nhất là ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Giá trị sản xuất hàng năm không ngừng tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001-2005 đạt 7,96%/năm, giai đoạn 2006 - 2012 đạt 11,07%/năm.

d. Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- * *Nông nghiệp*

Sản xuất nông nghiệp những năm qua đã có bước tiến bộ rõ rệt, an ninh lương thực trên địa bàn cơ bản được bảo đảm, giá trị sản xuất không ngừng tăng cả về trồng trọt và chăn nuôi. Cơ cấu sản xuất trong nội bộ ngành Nông nghiệp đang chuyển biến theo hướng tích cực.

* *Lâm nghiệp*: Đã chú trọng công tác khoanh nuôi bảo vệ vốn rừng hiện có, tiến hành trồng mới và tu bổ rừng, từng bước phủ xanh đất trống đồi trọc; nâng độ che phủ rừng từ 70% năm 2005 lên 73% năm 2010.

* *Thủy sản*: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, giá trị sản xuất hàng nông - lâm - thủy sản có sự tăng trưởng, song vẫn đang là một huyện nghèo của tỉnh Quảng Bình.

2.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUYÊN HÓA

2.2.1. Về số lượng trang trại

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế trang trại của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua Ban chấp hành Đảng bộ các xã, thị trấn của Huyện tuyên Hóa đã tích cực tuyên truyền người dân thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất để tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông sản hàng hóa, tăng thu nhập cho nông dân.

Bảng 2.6. Số lượng trang trại được cấp giấy chứng nhận tại huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2010-2012

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)
Trang trại trồng trọt						
Trang trại chăn nuôi	17	65,38	15	68,18	6	75,00
Trang trại thủy sản	1	3,85				
Trang trại lâm nghiệp	7	26,92	6	27,27	2	25,00
Trang trại tổng hợp	1	3,85	1	4,55		
TỔNG SỐ	26	100	22	100	8	100

2.2.2. Về quy mô trang trại

a. Diện tích đất đai

Trong sản xuất nông nghiệp đất đai vừa là tư liệu sản xuất, vừa là công cụ sản xuất, không có đất đai thì sản xuất nông nghiệp không thể tồn tại và phát triển. Vì vậy, đất đai là nguồn tài nguyên tiên quyết để sản xuất nông nghiệp, hình thành và phát triển kinh tế trang trại. Chính vì thế, mà trong bộ tiêu chí xác định trang trại của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã quy định quy mô diện tích là yếu tố quan trọng.

Bảng 2.7. Quy mô diện tích bình quân của các loại hình trang trại huyện Tuyên Hóa năm 2010 và năm 2012

TT	Phân theo loại hình TT	Năm 2010			Năm 2012		
		Tổng số TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích bình quân (ha)	Tổng số TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích bình quân (ha)
1	Trang trại trồng trọt						
2	Trang trại chăn nuôi	17	31,58	1,86	6	21,81	3,64
3	Trang trại thủy sản	1	2,20	2,20			
4	Trang trại lâm nghiệp	7	136,32	19,47	2	64,86	32,43
5	Trang trại tổng hợp	1	7,70	7,70			
TỔNG DIỆN TÍCH		26	177,80	6,84	8	86,67	10,83

b. Quy mô vốn đầu tư

Về cơ cấu sử dụng vốn: Trong 2 năm 2010 và 2011, nguồn vốn chủ yếu đầu tư vào loại hình trang trại chăn nuôi, trang trại lâm nghiệp có vốn đầu tư tương đối, ít nhất là các trang trại thủy sản và trang trại tổng hợp. Đến năm 2012, vốn đầu tư vào trang trại chăn nuôi vẫn chiếm tỷ trọng 85,36%, còn lại 14,64% là vốn đầu tư cho các trang trại lâm nghiệp, các trang trại tổng hợp và thủy sản không còn vì các trang trại này không đạt tiêu chuẩn theo Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT.

Về cơ cấu nguồn vốn: Các chủ trang trại đã chủ động huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội, các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, các cá nhân,... sự hỗ trợ tín dụng của chính quyền địa phương để huy động vốn.

Bên cạnh đó, các trang trại vẫn còn bị thiếu vốn sản xuất trong nhiều thời điểm; một lý do dễ nhận ra là việc vay vốn hết sức khó khăn, lãi suất cao, giá cả đầu vào tăng, giá đầu ra bấp bênh khiến các chủ trang trại không thể mạnh dạn trong việc vay vốn từ các tổ chức tín dụng.

c. Quy mô lao động

Khi các trang trại mở rộng quy mô sản xuất, ngoài việc tận dụng nguồn lao động gia đình các trang trại của huyện còn góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhiều lao động địa phương, nhất là vào những lúc thời vụ.

Bảng 2.11. Tình hình sử dụng lao động bình quân của các trang trại huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2010-2012

Phân theo loại hình trang trại	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
	Số trang trại	Số LĐ	BQ LĐ/TT	Số trang trại	Số LĐ	BQ LĐ/TT	Số trang trại	Số LĐ	BQ LĐ/TT
Trồng trọt									
Chăn nuôi	17	81	4.76	15	67	4.47	6	28	4.67
Thủy sản	1	6	6						
Lâm nghiệp	7	91	13	6	76	12.67	2	25	12.5
Tổng hợp	1	10	10	1	6	6			
TỔNG SỐ	26	188	7,23	22	149	6,77	8	53	6,63

d. Quy mô về thu nhập

Bảng 2.12. Quy mô thu nhập bình quân trang trại của huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2010-2012

Phân theo loại hình TT	Năm 2010			Năm 2011			Năm 2012		
	Số TT	Tổng thu nhập	BQ thu nhập/TT	Số TT	Tổng thu nhập	BQ thu nhập/TT	Số TT	Tổng thu nhập	BQ thu nhập/TT
Trồng trọt									
Chăn nuôi	17	9.752	573,65	15	8.826	588,40	6	1.073	178,83
Thủy sản	1	128	128,00						
Lâm nghiệp	7	2.694	384,86	6	2.465	410,83	2	203	101,50
Tổng hợp	1	235	235,00	1	270	270,00			
TỔNG SỐ	26	12.809	492,65	22	11.561	525,50	8	1.276	159,50

e. Khoa học - công nghệ

Các trang trại tham gia các buổi tập huấn kỹ thuật và chủ yếu tập trung tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, thú y vì đây là loại hình đem lại doanh thu và thu nhập lớn trong trang trại.

Phần lớn các chủ trang trại đều xuất phát từ kinh nghiệm, cộng với sự hạn chế về vốn đầu tư nên vấn đề lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh chưa thực sự được quan tâm. Sản xuất có độ rủi ro cao, chu kỳ kinh doanh dài không thấy ngay được kết quả và khó sửa sai ngay.

2.2.3. Thực trạng về mặt chất lượng và cơ cấu trang trại

a. Về mặt chất lượng sản phẩm của trang trại

Chất lượng các sản phẩm của các trang trại nông lâm ngư nghiệp phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: chất lượng giống, thức ăn, chất lượng đất, nước, quy trình kỹ thuật chăm sóc, quy trình kỹ thuật sản xuất,...

Ngoài ra, việc phát triển trang trại tự phát, không có quy hoạch, mỗi trang trại sử dụng một loại giống cây trồng vật nuôi, kỹ thuật sản xuất và trình độ của các chủ trang trại và lao động làm việc trong trang trại còn thấp nên chất lượng sản phẩm không đồng đều, mẫu mã sản phẩm hạn chế.

Tuy vậy, các chủ trang trại đã có sự tìm tòi, học hỏi, đầu tư tìm kiếm các loại con, cây giống có hiệu quả; từng bước xây dựng quy trình sản xuất từ khâu chọn giống đến chăm sóc, thu hoạch, tạo ra nông sản đảm bảo về mặt chất lượng, để sản phẩm của trang trại có thể cạnh tranh và tiêu thụ trên thị trường.

b. Về mặt cơ cấu trang trại

Kinh tế trang trại huyện Tuyên Hóa được hình thành do xu thế của nền sản xuất hàng hóa, cùng với chủ trương đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp của Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế trang trại, cơ cấu các loại hình sản xuất kinh doanh trang trại luôn có sự biến động qua các năm.

Cơ cấu các loại sản phẩm trong các trang trại huyện Tuyên Hóa có sự biến động không đáng kể; đến năm 2012, với việc áp dụng bộ tiêu chí mới các trang trại chăn nuôi tiến hành nuôi hỗn hợp nhiều loại vật nuôi.

2.2.4. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

Để có được thị trường tiêu thụ tốt thì các trang trại phải có nguồn khách hàng dồi dào (cả về số lượng khách hàng cũng như lượng hàng tiêu thụ cho các khách hàng này) đáng tin cậy, có những hợp đồng tiêu thụ và thỏa thuận trước giá bán hoặc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của các trang trại với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

2.2.5. Kết quả và hiệu quả xuất kinh doanh của trang trại

a. Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại

Bảng 2.15. Kết quả sản xuất kinh doanh của các trang trại năm 2012

Mô hình	GO		IC		VA	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)
Lâm nghiệp	1.350	15,87	1.147	15,87	203	15,91
Chăn nuôi	7.154	84,13	6.081	84,13	1.073	84,09
Thủy sản						
Tổng hợp						
Cộng	8.504	100	7.228	100	1.276	100
BQ/1T.trại	1.063		904		160	

Tổng giá trị gia tăng của các trang trại đạt 1.276 triệu đồng, trong đó, mô hình trang trại chăn nuôi mang lại nguồn lợi lớn hơn 1.073 triệu đồng chiếm 84,09%; mô hình trang trại lâm nghiệp thu được 203 triệu đồng chiếm 15,91%.

b. Hiệu quả kinh tế

Về hiệu quả kinh tế, trang trại chăn nuôi có thể mạnh hơn vì hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn các loại hình trang trại khác cả về thu nhập, thời gian thu hồi vốn nhanh hơn lâm nghiệp. Tuy nhiên, do điều kiện địa hình và lợi thế trong kinh doanh, trang trại lâm nghiệp trước mắt hiệu quả thấp,

thu hồi vốn chậm, nhưng xét về lâu dài không chỉ về kinh tế, mà còn cho hiệu quả về cải tạo môi trường và đất đai.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

Các trang trại lâm nghiệp chú trọng đầu tư trồng cây keo lai, đây là loại cây có thời gian thu hoạch 5 năm, ngắn hơn các loại cây lâm nghiệp khác, thị trường tiêu thụ trong tỉnh vẫn đang được đảm bảo vì trong tỉnh có 5 nhà máy chế biến gỗ đảm xuất khẩu với công suất gần 1 triệu sản phẩm /năm. Nhiều doanh nghiệp đã có chính sách khuyến khích người trồng rừng, tại nguồn nguyên liệu ổn định thông qua hỗ trợ cây giống, vận chuyển.

Cây công nghiệp dài ngày như cao su ở Tuyên Hóa phát triển sôm. Năm 2000 có 343 ha; năm 2005 có 541 ha; năm 2012 do thời tiết khắc nghiệt nên một số vườn cây bị chết, diện tích còn lại là 310,3/560,3 ha cho thấy cây cao su phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng của huyện. Năng suất và chất lượng mù khai thác khá cao. Đây là cây được coi là tiềm năng xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu của huyện.

c. Hiệu quả xã hội

Hiệu quả của phát triển kinh tế trang trại phải là hiệu quả kinh tế - xã hội, lợi nhuận được gắn với việc làm và tăng thu nhập, tăng tích lũy. Nâng cao dân trí cho nhân dân; không ngừng nâng cao độ che phủ của rừng trên vùng đất trống đồi núi trọc, đến năm 2012 độ che phủ rừng đạt tỷ lệ 73%.

- Thu hút lao động, giải quyết công ăn việc làm
- Đóng góp cho phát triển kinh tế
- Sản xuất hàng hóa là đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUYÊN HÓA

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Phát triển kinh tế trang trại huyện Tuyên Hóa đang phát triển phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của huyện.

- Phát triển kinh tế trang trại đã khẳng định được một số giống cây, con phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai thổ nhưỡng như chăn nuôi lợn, gia cầm, trồng cao su, cây keo.

- Là mô hình sản xuất tiên tiến trong nông nghiệp, nông thôn.

- Trang trại đã góp phần quan trọng vào việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện Tuyên Hóa.

2.3.2. Những tồn tại và nguyên nhân

a. Tồn tại

- Hệ thống chính sách để hỗ trợ khuyến khích phát triển kinh tế trang trại còn thiếu đồng bộ và bất cập.

- Phần lớn các chủ trang trại đều xuất phát từ kinh nghiệm, vốn đầu tư hạn chế nên vấn đề lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh chưa thực sự được quan tâm.

- Các trang trại hình thành tự phát, chưa có công tác quy hoạch rõ ràng từng vùng để kinh tế trang trại phát triển thuận lợi, gây khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nông sản.

- Thương mại và dịch vụ chưa phát triển

- Thiếu sự gắn kết và liên kết trong hoạt động của các trang trại

- Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

- Phát triển kinh tế trang trại ở huyện Tuyên Hóa còn gặp nhiều khó khăn do các yếu tố khách quan như mức độ rủi ro cao, điều kiện khí hậu, địa hình thổ nhưỡng, trình độ quản lý của các chủ trại...

b. Nguyên nhân

- Phát triển trang trại còn thiếu định hướng cụ thể, thiếu quy hoạch đồng bộ, thiếu ổn định về hướng sản xuất kinh doanh, chủ yếu do các hộ tự phát.

- Thiếu vốn

- Trong quá trình phát triển trang trại vẫn bị chi phối bởi giá cả

các loại vật, dịch bệnh...

- Các chính sách được đưa ra là chính sách về đất đai; chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách về đầu tư, tín dụng.

- Thị trường là một yếu tố quan trọng đối với sản xuất kinh doanh của kinh tế trang trại.

- Cơ sở hạ tầng

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KT - XH CỦA HUYỆN TUYÊN HÓA ĐẾN NĂM 2020. YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI CỦA HUYỆN

3.1.1. Mục tiêu, phương hướng phát triển KT-XH của huyện Tuyên Hóa đến năm 2020

a. Mục tiêu

Phần đầu đưa Tuyên Hóa ra khỏi tình trạng huyện nghèo vào năm 2015 và cơ bản trở thành huyện phát triển trong vùng vào năm 2020

Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các địa phương trong cả tỉnh nhằm huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giảm nghèo, đưa Tuyên Hóa ngày càng đổi mới và phát triển.

Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; Phát triển yếu tố con người; Xây dựng hệ thống đô thị phát triển từ trung tâm đến các tiểu vùng; Gắn việc phát triển kinh tế với công tác bảo vệ môi trường; Gắn kinh tế với quốc phòng - an ninh

b. Phương hướng

Tiếp tục xây dựng phát triển kinh tế của huyện với mức tăng trưởng ổn định, đưa huyện Tuyên Hóa trở thành huyện có tốc độ tăng trưởng ổn định (tốc độ phát triển giai đoạn 2011 - 2015 đạt 12,03%;

giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,16%).

Hình thành cơ cấu kinh tế của huyện là Nông, Lâm, Ngư - Thương Mại, Dịch vụ - Công nghiệp, Tiểu thủ CN, Xây dựng

3.1.2. Yêu cầu đặt ra trong phát triển kinh tế trang trại của Huyện

- Phát triển và mở rộng mô hình kinh tế trang trại nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nguồn lực, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng; Lấy trang trại chăn nuôi, lâm nghiệp làm đột phá về hiệu quả kinh tế.

- Định hướng đến 2020: xác định kinh tế trang trại ở vùng gò đồi là hình thức kinh tế chủ yếu để khai thác tốt nhất những lợi thế trong nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các loại hình trang trại với phương châm: chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững; coi trọng bảo vệ môi sinh, môi trường.

3.2. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN TUYÊN HÓA ĐẾN NĂM 2020

* Phát triển kinh tế trang trại gắn liền với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa

* Đẩy mạnh phát triển loại hình kinh tế trang trại gia đình kết hợp với việc thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia làm trang trại đều khắp các vùng của Huyện.

* Đa dạng hóa các mô hình kinh tế trang trại phù hợp với từng điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội nhằm, khai thác những thế mạnh lợi thế của từng vùng.

* Lồng ghép phát triển trang trại với việc thực hiện các chương trình dự án của địa phương

* Tăng cường sự quan tâm hỗ trợ trang trại nhiều hơn của các cấp, các ngành trong hệ thống quản lý Nhà nước

* Một số vấn đề khác

3.3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN TUYÊN HÓA ĐẾN NĂM 2020

3.3.1. Nhóm giải pháp nhằm phát triển số lượng trang trại

- Phân vùng phát triển KTTT tạo điều kiện cho tất cả các vùng trên địa bàn huyện phát triển đồng đều trên cơ sở hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và liên kết giữa các vùng, tạo sự phát triển kinh tế mạnh mẽ trên địa bàn.

- Năm 2012 số lượng trang trại giảm nhiều vì có nhiều trang trại không đạt tiêu chí theo Thông tư số 27/TT-BNNPTNT, nhất thiết phải có những biện pháp nhằm khôi phục các trang trại này.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế trang trại và nhân diện rộng; khuyến khích các hộ ở các địa phương khác, thành thị đầu tư vốn làm kinh tế trang trại ở vùng đất hoang hóa, đất trống đồi trọc. Các trang trại được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi thuê đất trống đồi núi trọc, đất hoang hoá để trồng rừng, trồng cây lâu năm.

3.3.2. Nhóm giải pháp nhằm phát triển quy mô trang trại

a. Giải pháp về đất đai

b. Giải pháp về vốn đầu tư

c. Giải pháp về lao động

3.3.3. Nhóm giải pháp phát triển chất lượng sản phẩm và cơ cấu trang trại

a. Giải pháp về khoa học - công nghệ

b. Giải pháp về cơ cấu sản xuất của trang trại

3.3.4. Giải pháp về thị trường tiêu thụ

Nâng cao kiến thức về thị trường cho các chủ trang trại để họ có thể tự lựa chọn cho mình những loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có hiệu quả cao nhất; Quy hoạch và tiến hành thực hiện quy hoạch; Mở rộng các hình thức thông tin kinh tế và thị trường; Mở rộng và phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm; Xây dựng vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến nông sản; Khuyến khích và tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa

các lực lượng tham gia vào hoạt động dịch vụ thương mại; Cung cấp nguồn thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường cho các chủ trang trại;

3.3.5. Nhóm các giải pháp khác

a. Hình thành, phát triển quan hệ hợp tác giữa các trang trại

b. Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế trang trại

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua phân tích đánh giá về đặc điểm tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội của huyện Tuyên Hóa có thể nói thế mạnh của huyện là phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và ngành lâm nghiệp, vì tiềm năng về đất nông nghiệp của huyện vẫn còn nhiều, vùng đồi núi trọc chưa được khai thác hợp lý, cần phải mạnh dạn đầu tư nhằm đưa các mô hình kinh tế nông hộ lên một bước cao hơn là chuyển thành trang trại. Bên cạnh đó, huyện có nguồn lao động dồi dào, tập quán và truyền thống sản xuất lâu đời của người dân nơi đây cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế trang trại.

Qua quá trình nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển kinh tế trang trại trong thời gian qua của huyện Tuyên Hóa cho thấy các trang trại đã nỗ lực phấn đấu đạt tiêu chí để phát triển thành kinh tế trang trại, đồng thời tại ra thu nhập nhất định cho chủ trang trại và cả người lao động làm thuê trong các trang trại. Tuy kết quả là chưa cao nhưng nó có một ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với quá trình phát triển nông nghiệp như: xóa đói giảm nghèo, giải quyết lao động thất nghiệp.

Những vấn đề nêu trên là cơ sở vững chắc để xác định mục tiêu, phương hướng đề ra các giải pháp phát triển kinh tế trang trại cả hai mặt vĩ mô và vi mô.